

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/DS-ST**

Ngày 18-4-2022

V/v tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Chí

Ông Nguyễn Hữu Pháp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H – sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Đăng P - sinh năm 1952; nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Nguyên cha mẹ là cụ Bùi Đăng C và Lê C có tạo lập được một diện tích đất 1450m² vườn ở thửa số 700 (1) tờ bản đồ 13D và được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng một số diện tích đất ruộng tại thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004. Bà C chết năm 2010, ông C chết năm 2011 đều không để lại di chúc. Ông C và bà C có 5 người con chung nhưng đã chết 3 người lúc còn trẻ chưa có gia đình, còn lại hai người

là bà H và anh ruột là ông Bùi Đăng P. Trên thửa đất vườn ở cha mẹ để lại, ông P tự ý phân chia bà H ở một lô đất ở giữa với diện tích khoảng 340m², còn lại ông P nhận ở nhà cũ cha mẹ để lại và hai thửa đất liền kề. Bà H thỏa thuận, đề nghị với ông P được nhận sử dụng phần đất phía Nam diện tích khoảng 280m², phần đất còn lại khoảng 850m² có nhà từ đường giao cho ông P nhưng ông P không đồng ý nên bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu được nhận sử dụng theo hiện trạng hai thửa đất trên là 636m² gồm thửa bà đang ở và thửa liền kề phía Nam, không yêu cầu ông P thanh toán giá trị chênh lệch. Đối với diện tích đất lúa thì bà H và ông P đã tự thỏa thuận phân chia yêu cầu Tòa án ghi nhận. Đối với tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 cha mẹ chết để lại bà không yêu cầu chia mà đồng ý giao cho ông P sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Cha mẹ là Bùi Đăng C và Lê C được nhà nước giao đất gồm 200m² đất ở và 924m² đất vườn thửa số 700(1) tờ bản đồ 13D; 284m² đất lúa thửa 783(1) tờ bản đồ 13D; 612m² đất lúa thửa 15(1) tờ bản đồ 37B, đất đều tại P, H, Tây Hòa, Phú Yên. Đối với diện tích đất ở và vườn thì nguồn gốc đất là do ông P thực (nhận chuyển nhượng) của ông Đoàn Q từ trước năm 1975. Sau năm 1975 đất nước giải phóng ông Quận không đòi lại nên ông tiếp tục sử dụng cùng cha mẹ xây nhà ở sinh sống, sau đó cha mẹ kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê C. Về phần nhà đất Bùi Thị H đang ở thì vào năm 1994 vì hoàn cảnh gia đình nên cha mẹ anh em đồng thuận cho bà H ở một lô đất trên cùng thửa đất diện tích khoảng 250m². Vì vậy, đối với yêu cầu chia di sản của bà H thì ông không đồng ý.

Tại Công văn số 758/UBND-TNMT ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa xác định đối với 200m² đất quy hoạch thổ cư trên cùng thửa đất 700(1) tờ bản đồ 13D thì được xác định là đất vườn ao của hộ gia đình và được tính vào tổng diện tích của thửa đất theo Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh Phú Yên; đối với diện tích đất quy hoạch giao thông trên cùng thửa đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý sử dụng. Tại Công văn số 2249/UBND-TNMT ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa giữ nguyên quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại Công văn số 517/UBND ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân xã H trình bày ý kiến: Đối với diện tích đất quy hoạch giao thông 126m² trong cùng thửa đất thì sau khi mở đường đi năm 1996 và nâng cấp, mở rộng, bê tông hóa năm 2020 thì diện tích đất quy hoạch giao thông đã sử dụng hết, phần diện tích đất còn lại là đất vườn của hộ bà Lê C quản lý sử dụng. Đồng thời, UBND xã H đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Về tố tụng Tòa án đã tuân thủ đầy đủ và tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định. Về nội dung, căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 13/10/2017, bà Bùi Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản của cha mẹ để lại sau khi chết. Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về tranh chấp di sản thừa kế. Tòa án Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với vụ án. Các bên đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu yêu cầu chia di sản.

[2] Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng diện tích đất 1450m² (đo hiện trạng ngày 15/10/2021 là 1506,1m²) thửa 700(1) tờ bản đồ địa chính số 13D tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Theo hồ sơ quản lý đất đai thì, trong thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ bà Lê C 200m² đất ở và 924m² đất vườn, còn lại 200m² đất quy hoạch thổ cư và 126m² đất quy hoạch giao thông nhà nước quản lý. Hộ bà C gồm hai nhân khẩu là bà C và ông Bùi Đăng C.

[3] Ông Bùi Đăng C chết năm 2011, bà Lê C chết năm 2010 đều không để lại di chúc, ông bà có 5 người con gồm: Bùi H - chết năm 1970, hai người chết lúc còn nhỏ, ông Bùi Đăng P và bà Bùi Thị H. Do đó, bà H và ông P cùng thuộc hàng thừa kế thứ nhất, yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Ông Bùi Đăng P cho rằng đất này do ông thực (nhận chuyển nhượng) của ông Đoàn Quận từ năm 1973, có cung cấp giấy “tờ chúc thu” của ông Đoàn Q để chứng minh nhưng nội dung “tờ chúc thu” không thể hiện nội dung chuyển nhượng đất giữa các bên nên không có giá trị chứng minh. Mặt khác, đất đã được Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê C nên ý kiến của ông P là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với diện tích đất 200m² quy hoạch thổ cư trong cùng thửa: Theo khoản 4 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh Phú Yên thì: “*Trường hợp người sử dụng đất có một phần diện tích đất vườn gắn liền với nhà ở khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp được xác định là “đất vườn quy hoạch đất ở” do Ủy ban nhân dân xã quản lý nay diện tích này được xác định là đất vườn, ao của hộ gia đình và được tính vào tổng diện tích của thửa đất...*”. Tại công văn số 758/UBND-TNMT ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa cũng khẳng định diện tích đất 200m² quy hoạch thổ cư hiện được xác định là đất vườn, ao của hộ bà Lê C quản lý sử dụng. Do đó, Tòa án xác định 200m² đất

quy hoạch thổ cư trong cùng thửa đất là đất vườn trong cùng thửa đất, là di sản bà C, ông C để lại để chia thừa kế theo quy định mới đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[5] Đối với diện tích đất quy hoạch giao thông trong cùng thửa: Theo hồ sơ quản lý đất đai của UBND xã H xác định trên cùng thửa đất có 126m² đất quy hoạch giao thông do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Tại Công văn số 517/UBND ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân xã H xác định: Năm 1996, Ủy ban nhân dân xã mở đường đi phía Tây thửa đất, diện tích ảnh hưởng khoảng 85m². Năm 2020, thực hiện công trình nâng cấp mở rộng bê tông hóa tuyến đường trước nhà bà H thì diện tích của thửa bị ảnh hưởng sử dụng để làm đường là 40,6m². Như vậy qua hai lần mở đường phần đất quy hoạch giao thông trong cùng thửa (đã hết), diện tích đất còn lại là đất vườn ở của hộ gia đình bà Lê C sử dụng. Như vậy trên thửa đất không còn tồn tại diện tích đất nào của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

[7] Hiện trạng diện tích đất sử dụng theo xem xét thẩm định tại chỗ là 1.506,1m² có tăng so với hồ sơ quản lý đất đai và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bên đều khẳng định ranh giới sử dụng đất ổn định từ lâu, các chủ sử dụng đất liền kề không ai có tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã H cũng xác định diện tích đất còn lại sau khi trừ đất quy hoạch giao thông là đất vườn ở của hộ gia đình và đất quy hoạch thổ cư (đã được xác định là đất vườn) nên Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất thực tế sử dụng là di sản ông C bà C để lại sau khi chết.

[8] Chia di sản theo pháp luật sau hai lần mở thừa kế thì bà Bùi Thị H và ông Bùi Đăng P mỗi người được nhận một kỷ phần bằng một phần hai di sản. Tuy nhiên, bà Bùi Thị H yêu cầu nhận diện tích đất 354,3m² đang sử dụng và phần diện tích đất phía Nam thửa đất là 281,7m², tổng diện tích là 636m², trong đó có 100m² đất ở. Phần diện tích còn lại là 870,1m² giao cho ông P. Đối với tài sản là một ngôi nhà cấp 4 của bà C, ông C tạo lập bà H không yêu cầu chia, đồng ý giao cho ông P sở hữu. Xét yêu cầu này là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất nên Tòa án chấp nhận. Ranh giới sử dụng đất giữa phần đất bà H được nhận và phần đất ông P được nhận là đường thẳng theo sự xác nhận của các bên (có bản vẽ kèm theo). Riêng 200m² đất ở thì được chia đôi, mỗi người nhận 100m² đất ở. Ngoài diện tích ở, diện tích đất còn lại là đất vườn. Diện tích đất bà H nhận tương đương 42%, ông P nhận tương đương 58%.

[9] Ngoài diện tích đất nêu trên, hộ bà C còn được cân đối diện tích đất 2 lúa tại P, H cũng là di sản thừa kế. Xét bà H và ông P đã tự thỏa thuận với nhau bà H nhận sử dụng 284m² đất lúa thửa 783(1) tờ bản đồ 13D, ông P nhận sử dụng 612m² đất lúa thửa 15(1) tờ bản đồ 37B nên Tòa án ghi nhận.

[10] Về tài sản trên đất: Gồm cây trồng chuối và tre gai ông P trồng trên thửa đất phía Nam nhà bà H là tài sản của ông P; do giao đất cho bà H sử dụng nên cần buộc bà H thanh toán giá trị cho ông P, tổng giá trị cây là 1.110.000 đồng.

[11] Về chi phí tố tụng và án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí án phí tương đương giá trị phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Giá đất ở định giá theo giá thị trường là 250.000 đồng/m², giá đất vườn (HNK) là 150.000đồng/m².

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất diện tích 1506,1m² thửa 700(1) tờ bản đồ địa chính số 13D tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bà Bùi Thị H được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích là 636m², trong đó có 100m² đất ở, 536m² đất vườn có giá trị là 105.400.000 đồng gồm thửa đất 354,3m² đang có nhà ở của bà Bùi Thị H và thửa đất 281,7m² phía Nam nhà bà Bùi Thị H, có vị trí: Bắc giáp đất ông Bùi Đăng P được nhận sử dụng theo bản án này; Đông và Nam giáp đất Ủy ban nhân dân xã quản lý; Tây giáp đường bê tông.

Ông Bùi Đăng P được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 870,1m² trong đó có 100m² đất ở, 770,1m² đất vườn có giá trị 140.515.000 đồng, 01 ngôi nhà ở trên đất của bà Lê C và ông Bùi Đăng C xây dựng, có vị trí: Bắc giáp đất Đoàn Duy T; Nam giáp thửa đất bà Bùi Thị H được nhận sử dụng theo bản án này; Đông giáp đất Ủy ban nhân dân xã quản lý; Tây giáp đường bê tông.

Ranh giới sử dụng đất có bản trích đo kèm theo.

2. Giao bà Bùi Thị H được sở hữu 21 cây chuối và 04 bụi tre gai ông Bùi Đăng P trồng trên thửa đất phía Nam nhà ở bà H, đồng thời bà Bùi Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Đăng P 1.110.000 đồng giá trị cây trồng.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận về chia di sản thừa kế đối với diện tích đất lúa. Bà Bùi Thị H được nhận sử dụng 284m² đất lúa thửa 783 (1) tờ bản đồ 13D; ông Bùi Đăng P được nhận sử dụng 612m² đất lúa thửa 15(1) tờ bản đồ 37B tại P, H, Tây Hòa, Phú Yên.

4. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn phải chịu 2.730.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; bị đơn phải chịu 3.770.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Bùi Thị H đã nộp tạm ứng nên ông Bùi Đăng P có nghĩa vụ phải trả cho bà Bùi Thị H 3.770.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bà Bùi Thị H phải chịu 5.270.000 đồng án phí DSST được khấu trừ 2.500.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005798 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, Phú Yên; còn phải nộp 2.770.000 đồng án phí DSST. Ông Bùi Đăng P phải chịu 7.025.750 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Vinh